

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HS-ST

Ngày 29 - 4 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh T1

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Thọ

Ông Đỗ Trọng Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Công - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2020/HSST-QĐ ngày 01/4/2020,

Đối với các bị cáo:

1. **Trịnh Thị T**, sinh ngày: 30/01/1950 tại: thị trấn TX, huyện T X, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Khu 3, thị trấn TX, huyện T X, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Đình B (đã chết) và bà Phan Thị K (đã chết); có chồng là Nguyễn Văn B (đã chết) và có 06 con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 16/4/2019, bị Công an huyện Triệu Sơn ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi “Trộm cắp tài sản”, đã nộp phạt xong vào ngày 17/4/2019; nhân thân: Ngày 20/3/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Bị bắt tạm giữ từ ngày 10/11/2019; chuyển tạm giam ngày 18/11/2019; đến ngày 22/01/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lĩnh”; có mặt.

2. **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1994 tại: xã X, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKHKT: Thôn TT, xã X, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C; có vợ là Hoàng Thị G và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 17/08/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”; ngày 30/3/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Định xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị bắt tạm giữ từ ngày 10/11/2019, chuyển tạm giam ngày 18/11/2019 đến nay; có mặt.

3. **Nguyễn Tất K**, sinh năm 1996 tại: xã X, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKHKT: Thôn TT, xã X, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tất T10 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T11; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 31/8/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng về tội “Cố ý gây tH3 tích” theo Bản án số 17/2018/HS-ST. Bị bắt tạm giữ từ ngày 10/11/2019, chuyển tạm giam ngày 18/11/2019 đến nay; có mặt.

4. **Đỗ Ngọc D**, sinh năm 1994 tại: xã XH, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKHKT: Thôn Th , xã XH, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Ngọc H và bà Nguyễn Thị C (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 29/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/10/2019; nhân thân: Ngày 26/11/2008 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thọ Xuân ra Quyết định số 1308/QĐ-UB(NC) đưa vào Trường Giáo dưỡng về hành vi “cướp giật tài sản”; Ngày 09/8/2013 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa ra Quyết định số 2812/QĐ-UBND đưa vào Cơ sở giáo dục về hành vi “trộm cắp tài sản”. Bị bắt tạm giữ từ ngày 10/11/2019, chuyển tạm giam ngày 18/11/2019 đến nay; có mặt.

5. **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1988 tại: xã X Y, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKHKT: Thôn P, xã P X (xã X Y) huyện T X, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà KH3 Thị T; có vợ là Nguyễn Thị T và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/02/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Bị bắt tạm giữ từ ngày 10/11/2019, chuyển tạm giam ngày 18/11/2019 đến nay; có mặt.

6. **Hà Đình H**, sinh năm 1979 tại: xã Xl, huyện T X, tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKHKT: Thôn , xã Xl, huyện T X, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Đình H, tên gọi khác: Hà Đình H (đã chết) và bà Hoàng Thị S; có vợ là Hà Thị Đ và 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Ngày

20/3/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân xử phạt 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/8/2007; Ngày 15/9/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xử phạt 21 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Bản án số 34/2009/HSST; Ngày 04/02/2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp với 21 tháng tù tại Bản án số 34/2009/HSST ngày 15/9/2009 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, buộc H phải chấp hành hình phạt C là 39 tháng tù, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/8/2012, đến ngày 04/8/2016 chấp hành xong về phần án phí và số tiền truy thu; Ngày 05/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Định xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/11/2017, đã thi hành xong về án phí, chưa thi hành về phần bồi thường dân sự. Bị bắt tạm giữ từ ngày 12/11/2019, chuyển tạm giam ngày 20/11/2019 đến nay; có mặt.

7. **Trịnh Văn P**, sinh năm 1998 tại: xã Th Tr, huyện T X, tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKKTT: Thôn Lo, xã Tr (), huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn D và bà Nguyễn Thị Đ; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 31/08/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng về tội “Cố ý gây th3 tích” theo Bản án số 17/2018/HS-ST. Bị cáo P có đơn kháng cáo và tại Bản án hình sự phúc phẩm số 03/2019/HS-PT ngày 10/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm, xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng về tội “Cố ý gây th3 tích”. Bị bắt tạm giam từ ngày 04/12/2019 đến nay; có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Quách Minh Thành, sinh năm 1982, địa chỉ: thôn Q1, xã Q1 T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

2. Anh Vũ Văn C, sinh năm 1992, địa chỉ: thôn Tru, xã C, huyện C T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

3. Anh Phùng Văn M, sinh năm 1991, địa chỉ: thôn P, xã C, huyện CT, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

4. Anh Phùng Văn C1, sinh năm 1986, địa chỉ: thôn P, xã C, huyện CT, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

5. Chị Phạm Thị H1, sinh năm 1990, địa chỉ: thôn Đại Đ, xã C1, huyện CT, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

6. Anh Lại Xuân M, sinh năm 1964, địa chỉ: thôn Đại Đ, xã C2, huyện C T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

7. Ông Phạm Văn Đ1, sinh năm 1950, địa chỉ: phố Đại Q1, thị trấn C T, huyện C T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

8. Chị Vũ Thị O1, sinh năm 1990, địa chỉ: thôn 9, xã Th, huyện T X, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

9. Ông Bùi Đình S, sinh năm 1954, địa chỉ: thôn Li, xã L T, huyện T X, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

10. Anh Lê Ngọc Q1, sinh năm 1987, địa chỉ: thôn Đồng Tranh, xã Bình Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

11. Chị Bùi Thị H2, sinh năm 1994, địa chỉ: thôn Đồng T, xã T N, huyện N X, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

12. Chị Lê Thị G1, sinh năm 1981, địa chỉ: thôn Cát T1, xã Y, huyện N X, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

13. Chị Trịnh Thị H3, sinh năm 1971, địa chỉ: thôn 1, xã Xl, huyện T X, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

14. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1950, địa chỉ: thôn Ph, xã X M, huyện T X, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Đỗ Văn T4, sinh năm 1977, địa chỉ: thôn Kh, xã XH, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

2. Anh Trịnh Đình T5, sinh năm 1996, địa chỉ: thôn Thọ T1, xã Tr X, huyện T X, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trịnh Văn D1, sinh năm 1964, địa chỉ: thôn L, xã Tr, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Anh Trịnh Trung K1, sinh năm 1978, địa chỉ: thôn Đồng T, thị trấn TX, huyện T X, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 10/11/2019, tại nhà Trịnh Thị T, ở khu 3, thị trấn TX, huyện T X, Tổ Công tác Đội Cảnh sát Điều tra Tội phạm về trật tự xã hội Công an huyện Thọ Xuân, do ông Nguyễn Hải Đăng làm tổ trưởng đã T1 hành kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang Trịnh Thị T cùng với Đỗ Ngọc D, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn G, Nguyễn Tất K đang thực hiện hành vi mua bán chó trộm cắp, thu giữ tang vật là 12 con chó, tổng trọng L1 152kg. Quá trình bắt người phạm tội quả tang, T1 hành khám xét, Cơ quan điều tra đã thu giữ được các tài liệu, đồ vật gồm: 02 chiếc xe máy; 05 chiếc điện thoại di động các loại; 04 bộ kích điện; 03 bộ sạc kích điện; 02 bình xịt hơi cay; 04 đèn pin; 04 cuộn băng dính màu đen; 02 lồng sắt; 01 con dao bằng kim loại dài 25cm; 01 cuộn thép trọng L1 10kg; 02 chai nhựa màu trắng thể tích 1,5l; 01 đoạn dây kim loại dài 50cm; 24 bì xác rắn màu

xanh; 01 kết nhựa màu xanh bên trong đựng 18 vỏ chai bia THANH HOA; 02 đoạn dây cuốn băng dính màu đen; 01 đoạn thép dài 1,1m có dây điện dọc theo thân; 01 thanh dao bằng kim loại đã gỉ sét; 01 đoạn nứa dài 1,07m; 02 can nhựa màu vàng loại 5l có quai xách; 01 cân đồng hồ nhãn hiệu Nhơn Hòa màu xanh, loại cân 150kg; tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 5.600.000 đồng, thu trong người Trịnh Thị T.

Đến ngày 12/11/2019, Hà Đình H đến Cơ quan cảnh sát điều tra xin đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản của mình cùng đồng phạm.

Quá trình điều tra, đã xác định:

Trịnh Thị T là người chủ động liên lạc, xúi giục các đối tượng, chuẩn bị xăng xe và các công cụ sử dụng để bắt trộm chó và nhốt chó như: bao bì, băng dính, dây thép, lồng sắt... Các đối tượng Nguyễn Văn G và Nguyễn Tất K, Nguyễn Văn T1 và Đỗ Ngọc D, Hà Đình H và Trịnh Văn P kết hợp với nhau thành từng cặp, sử dụng xe máy đi bắt trộm chó. Trước khi đi các đối tượng sẽ đến nhà T để thay quần áo, lấy xăng xe, công cụ bắt trộm chó, ai biết vọt chó sẽ được phân công ngồi sau xe để vọt chó còn ai không biết vọt thì sẽ điều khiển xe máy. Các công cụ sử dụng đi trộm chó gồm: Xăng, đèn pin, thông lọng có gắn kích điện để bắt chó, băng keo để buộc miệng chó, bao bì đã chọc thủng lỗ để đựng chó, dây thép để buộc bao bì, vỏ chai bia, bình xịt hơi cay, dao để chống trả khi bị người dân phát hiện, đuổi bắt.

Sau khi bắt trộm được chó các đối tượng sẽ đem về nhà T để cân trọng L1, bán chó cho T với giá 55.000đ/kg, nếu chó chết trừ đi 03kg, lấy tiền chia nhau và để các công cụ trộm chó tại nhà T. Trước khi về nhà T thì các đối tượng sẽ gọi điện thoại di động cho T mở cửa sẵn, nhằm tránh sự chú ý của người dân xung quanh và lực L1 Công an. Các đối tượng thực hiện hành vi trộm cắp cụ thể như sau:

- Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 09/11/2019, Đỗ Ngọc D và Nguyễn Văn T1 đến nhà Trịnh Thị T để lấy xăng xe và các công cụ đi bắt trộm chó đã được chuẩn bị sẵn. Sau đó D và T1 sử dụng xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu đen, gắn biển kiểm soát 36D1-572.61 của T1 đi bắt trộm chó. D là người điều khiển xe, T1 ngồi sau dùng thông lọng có gắn kích điện để trộm chó. D và T1 đã bắt được 05 con chó, tổng trọng L1 55kg của các bị hại gồm: chị Vũ Thị O1, ở thôn 9, xã Thọ Xương, huyện Thọ Xuân; ông Bùi Đình S, ở thôn Liên Thành, xã Luận Thành, huyện Thường Xuân; anh Lê Ngọc Q1, ở thôn Đồng Tranh, xã Bình Sơn, huyện Triệu Sơn; chị Bùi Thị H2, ở thôn Đồng Tâm, xã Thượng Ninh, huyện Như Xuân; chị Lê Thị G1, ở thôn Cát T1, xã Yên Lễ, huyện Như Xuân. Các bị hại đều mô tả đặc điểm chó bị mất đúng như số chó đã thu giữ. Số chó trên T1 và D đựng vào 01 bao bì đem về bán cho T. Trước khi về gần nhà T, thì T1 gọi điện thoại cho T bảo T mở sẵn cửa; khi các đối tượng đang mua bán chó thì bị bắt quả tang. Ngoài ra, D và T1 còn khai nhận ngày 07 rạng sáng ngày 08/11/2019, bắt trộm được khoảng 2 đến 3 con chó, trọng L1 khoảng 36kg đem bán cho T, nhưng không thu được chó nên không xác định được số L1 và giá trị, không biết chính xác thời gian, địa điểm trộm cắp tài sản là ở đâu, không xác định được bị hại, số

tiền có được từ việc trộm cắp D và T1 đã tiêu xài cá nhân hết, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý về hành vi này.

- Khoảng 23 giờ ngày 09/11/2019, Nguyễn Văn G và Nguyễn Tất K đến nhà Trịnh Thị T để lấy xăng và các công cụ đi bắt trộm chó. G và K sử dụng xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh, gắn biển kiểm soát 36B5-578.69 (xe máy trên G khai là mượn của Trịnh Đình T5, sinh năm 1996, ở thôn Thọ T1, xã Trường Xuân) đi bắt trộm chó. K là người điều khiển xe, G ngồi sau dùng thông long có gắn kích điện để bắt trộm chó. G và K đã bắt được 07 con chó, tổng trọng L1 97kg của các bị hại gồm: anh Quách Minh Thành, ở thôn Q1 Lộc, xã Q1 Trung, huyện Ngọc Lặc; anh Vũ Văn C, ở thôn Trung Tâm, xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy; anh Phùng Văn M và anh Phùng Văn C1 đều ở thôn Phú Sơn, xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy; chị Phạm Thị H1 và anh Lại Xuân M đều ở thôn Đại Đồng, xã Cẩm Sơn, huyện Cẩm Thủy; ông Phạm Văn Đ1, ở phố Đại Q1, thị trấn Cẩm Thủy, huyện Cẩm Thủy. Các bị hại đều mô tả đặc điểm chó bị mất đúng như sổ chó đã thu giữ. Sổ chó trên G và K đựng vào 02 bao bì một bao bì 03 con và một bao bì 04 con đem về nhà T để bán cho T. Trước khi về gần nhà T, thì G gọi điện thoại cho T bảo T mở sẵn cửa; khi các đối tượng đang mua bán chó thì bị bắt quả tang. Ngoài ra, G và K còn khai nhận trước đó đã bắt trộm chó bán cho T 05 lần, nhưng không thu được chó nên không xác định được số L1 và giá trị, không biết chính xác thời gian, địa điểm trộm cắp tài sản là ở đâu, không xác định được bị hại, số tiền có được từ việc trộm cắp G và K đã tiêu xài cá nhân hết, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với hành vi này.

- Vào khoảng 22 giờ ngày 08/11/2019 Hà Đình H và Trịnh Văn P đến nhà T lấy các công cụ để đi trộm chó. Sau đó, H và P dùng xe máy của P để đi bắt chó, H là người cầm lái điều khiển xe máy, P ngồi sau để bắt chó. H và P đã bắt được 02 con chó, tổng trọng L1 21kg, gồm: 01 con chó cái, lông màu xám, trọng L1 12kg của ông Nguyễn Văn L1, ở thôn Phong Cốc, xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân và 01 con chó đực, lông màu xám, vòng cổ bằng dây điện màu đen, trọng L1 09kg của chị Trịnh Thị H3, ở thôn 1, xã XL, huyện T X. Sau đó, H và P mang sổ chó trên về nhà T, trước khi về gần nhà T, H có gọi điện thoại cho T bảo T mở sẵn cửa. H và P đem chó về bán cho T với giá như đã thỏa T4 trước là 55.000đ/kg, sau khi trừ xăng xe còn được 1.050.000 đồng, H cầm 500.000 đồng và đưa cho P 550.000 đồng. Sau đó, T đã bán 02 con chó trên cho anh Đỗ Văn T4, sinh năm 1977, trú tại thôn Khải Đông, xã XH, huyện TX với giá 65.000đ/kg, thành tiền là 1.365.000 đồng. Anh Đỗ Văn T4 sau khi mua được chó đem về nhốt vào lồng đến ngày 11/11/2019, khi được Cơ quan điều tra thông báo cho biết 02 con chó anh mua của T là chó trộm cắp, anh T4 đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra. Đối với chiếc điện thoại H dùng gọi điện cho T sau đó H đã làm rơi mất, hiện không rõ ở đâu; số tiền có được H và P đã tiêu xài cá nhân hết. Ngoài ra, H còn khai nhận ngoài lần trộm cắp trên, H còn có một số lần trước đó không nhớ cụ thể là bao nhiêu lần, bắt trộm được bao nhiêu chó và cũng không biết rõ là chó của ai, ở đâu đem bán cho T. Tất cả số tiền có được từ việc trộm cắp H đã tiêu xài cá nhân hết, nên Cơ quan điều tra chưa có căn cứ xử lý đối với hành vi này.

Đối với Trịnh Văn P, làm việc với Cơ quan điều tra Trịnh Văn P không thừa nhận hành vi phạm tội như H và T khai báo, P chỉ khai nhận: Vào khoảng 20 giờ ngày 08/11/2019, H gọi điện cho P rủ đi chơi, khoảng 01 T1g sau P điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave không nhớ biển kiểm soát (xe P mượn của ông Trịnh Văn D1, sinh năm 1964, trú tại thôn Long Linh Nội, xã Trường Xuân, huyện Thọ Xuân) đến đón H tại chợ Thạc, xã Xuân Lai thì được H rủ đi đến nhà Trịnh Thị T. Tại nhà T, H lấy một bộ kích điện có gắn thông lọng sau đó hướng dẫn cho P cách ngồi sau vọt chó, rồi đưa bộ kích điện cho P đeo lên người. Số công cụ còn lại gồm: bao bì đã chọc thủng lỗ, dây thép, băng keo, dao, vỏ chai bia thì do H chuẩn bị P không biết. Sau khi chuẩn bị công cụ xong H cầm lái điều khiển xe máy chở P ngồi sau đi bắt trộm được 01 cá thể chó nhưng không rõ vị trí ở đâu, của ai, đem về bán cho T. Việc mua bán chó là do H và T thực hiện, P không được biết bao nhiêu tiền. Sau đó H chia cho P 200.000 đồng. Ngoài ra, P không tham gia trộm cắp chó lần nào khác.

Ngày 11/11/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra yêu cầu định giá đối với số chó thu giữ trên. Tại bản Kết luận định giá số 59/KL-HĐĐG ngày 13/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thọ Xuân, kết luận: tổng giá trị 12 cá thể chó do G, K, D, T1 đã trộm cắp là 15.200.000đ (Mười lăm triệu hai trăm nghìn đồng), trong đó 07 con chó do G và K trộm cắp là 9.700.000đ (Chín triệu bảy trăm nghìn đồng), 05 con chó do D và T1 trộm cắp là 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng). Tại Bản Kết luận định giá số 60/KL-HĐĐG ngày 13/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thọ Xuân, kết luận: tổng giá trị 02 cá thể chó do H và P đã trộm cắp là 2.100.000đ (Hai triệu một trăm nghìn đồng).

Về vật chứng thu giữ:

- Đối với 14 con chó thu giữ, trong đó: có 11 con chó còn sống đã được trả lại cho các chủ sở hữu, còn lại 03 con chó đã chết, Cơ quan điều tra đã tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

- Đối với số vật chứng đã thu giữ còn lại là công cụ, PH3 tiện các đối tượng sử dụng phạm tội, hiện đang được quản lý và nhập kho vật chứng để xử lý theo quy định của pháp luật.

Về phân dân sự:

- Các bị hại gồm: ông Phạm Văn Đ1, anh Lại Xuân M, chị Phạm Thị H1, anh Phùng Văn M, anh Vũ Văn C, anh Phùng Văn C1, ông Bùi Đình S, chị Lê Thị G1, chị Vũ Thị O1, chị Trịnh Thị H3 và ông Nguyễn Văn L1 đã được nhận lại tài sản là số chó bị mất trộm và không có yêu cầu bồi thường gì.

- Đối với số chó bị chết đã tiêu hủy, các bị hại chưa được nhận lại tài sản yêu cầu các bị cáo phải bồi thường bằng giá trị. Bị cáo T đã tự nguyện bồi thường cho chị Bùi Thị H2 900.000 đồng và anh Lê Ngọc Q1 950.000 đồng; gia đình các bị cáo G và K đã bồi thường cho anh Quách Minh Thành 2.000.000 đồng. Chị H2, anh Q1 và anh Thành không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đỗ Văn T4 đã tự nguyện

giao nộp 02 con chó mua của bị cáo T cho Cơ quan điều tra trả lại bị hại, anh T4 không có yêu cầu bị cáo T phải bồi thường gì.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKSTX ngày 13/02/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân đã truy tố các bị cáo Trịnh Thị T, Nguyễn Văn G, Nguyễn Tất K, Nguyễn Văn T1, Đỗ Ngọc D và Trịnh Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Hà Đình H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Trịnh Thị T, Nguyễn Văn G, Nguyễn Tất K, Nguyễn Văn T1, Đỗ Ngọc D và Hà Đình H đều thừa nhận hành vi trộm cắp đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; riêng bị cáo Trịnh Văn P khai chỉ thừa nhận hành vi trộm cắp 01 con chó vào đêm ngày 08/11/2019 cùng với bị cáo Hà Đình H, không thừa nhận việc trộm cắp 02 con chó như nội dung cáo trạng nêu.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: các bị cáo Trịnh Thị T, Nguyễn Văn G, Nguyễn Tất K, Nguyễn Văn T1, Đỗ Ngọc D, Trịnh Văn P và Hà Đình H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt đề nghị:

- Áp dụng: điểm a khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm b, o, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo T,

Xử phạt: bị cáo Trịnh Thị T từ 30 tháng đến 33 tháng tù.

- Áp dụng: điểm a khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo G,

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn G từ 28 tháng đến 31 tháng tù.

- Áp dụng: điểm a khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56; Điều 58; khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo K,

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Tất K từ 29 tháng đến 32 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 24 tháng tù về tội “Cố ý gây tH3 tích” tại bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HS-ST ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt C của hai bản án từ 53 tháng đến 56 tháng tù.

- Áp dụng: điểm a khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo D,

Xử phạt: bị cáo Đỗ Ngọc D từ 29 tháng đến 32 tháng tù.

- Áp dụng: điểm a khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo T1,

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 28 tháng đến 31 tháng tù.

- Áp dụng: điểm a, g khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo H,

Xử phạt: bị cáo Hà Đình H từ 26 tháng đến 30 tháng tù.

- Áp dụng: điểm a khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56; Điều 58; khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo P,

Xử phạt: bị cáo Trịnh Văn P từ 26 tháng đến 30 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 24 tháng tù về tội “Cố ý gây tH3 tích” tại bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HS-ST ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa và bản án hình sự phúc thẩm số 03/2019/HS-PT ngày 10/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt C của hai bản án từ 50 tháng đến 54 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không xem xét. Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Trịnh Thị T, Nguyễn Văn G và Nguyễn Tất K không buộc các bị cáo khác phải hoàn trả lại phần tiền đã bồi thường thay.

Về thu lợi bất chính: Truy thu của bị cáo Trịnh Thị T số tiền 315.000 đồng, bị cáo Hà Đình H số tiền 500.000 đồng và bị cáo Trịnh Văn P số tiền 550.000 đồng, để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng đề nghị:

- Trả lại bị cáo Trịnh Thị T số tiền 5.600.000 đồng;

- Trả lại bị cáo Nguyễn Tất K 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus 128G vỏ màu đen; bị cáo Đỗ Ngọc D 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 vỏ màu đen;

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 03 chiếc điện thoại gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 230 vỏ màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 106, vỏ màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu viettel, vỏ màu đen;

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter màu đen trắng, xe đã qua sử dụng, gắn biển kiểm soát 36D1-572.61;

- Tịch thu, tiêu hủy: 04 bộ kích điện; 03 bộ sạc kích điện; 02 bình xịt hơi cay; 04 đèn pin; 04 cuộn băng dính màu đen; 02 lồng sắt; 01 con dao bằng kim loại dài 25cm; 01 cuộn thép trọng L1 0,1kg; 02 chai nhựa màu trắng thể tích 1,5l; 01 đoạn dây kim loại dài 50cm; 24 bì xác rắn màu xanh; 01 kết nhựa màu xanh bên trong đựng 18 vỏ chai bia THANH HOA; 02 đoạn gậy quốn bằng dính màu đen; 01 đoạn thép dài 1,1m có dây điện dọc theo thân; 01 thanh dao bằng kim loại đã gỉ sét; 01 đoạn nứa dài 1,07m; 02 can nhựa màu vàng loại 5l có quai xách; 01 cân đồng hồ nhãn hiệu Nhon Hòa màu xanh, loại cân 150kg (đã qua sử dụng).

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Các bị cáo Trịnh Thị T, Nguyễn Văn G, Nguyễn Tất K, Nguyễn Văn T1, Đỗ Ngọc D và Hà Đình H không có ý kiến tranh với luận tội của Đại diện Viện kiểm sát; lời nói sau cùng các bị cáo nhận tội và xin được giảm nhẹ mức hình phạt. Bị cáo Trịnh Văn P có ý kiến tranh luận không thừa nhận hành vi trộm cắp 02 con chó như nội dung cáo trạng nêu, chỉ thừa nhận việc trộm cắp 01 con chó cùng với Hà Đình H. Lời nói sau cùng bị cáo xin được giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc KH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T1 hành tố tụng, người T1 hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T1 hành tố tụng, người T1 hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Trịnh Thị T, Nguyễn Văn G, Nguyễn Tất K, Nguyễn Văn T1, Đỗ Ngọc D và Hà Đình H đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng đã nêu; riêng có bị cáo Trịnh Văn P không thừa nhận hành vi trộm cắp 02 con chó như nội dung Cáo trạng nêu, chỉ thừa nhận hành vi trộm cắp 01 con chó. Tuy nhiên căn cứ vào lời khai của các bị cáo Trịnh Thị T và Hà Đình H, lời khai của bị hại là ông Nguyễn Văn L1 và chị Trịnh Thị H3, vật chứng thu giữ được và các tài liệu khác có trong hồ sơ, đủ cơ sở xác định: Trịnh Văn P có hành vi trộm cắp 02 con chó như nội dung Cáo trạng nêu.

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, lời trình bày của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản khám xét, Biên bản nhận dạng, Kết luận định giá, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Để thực hiện hành vi phạm tội, Trịnh Thị T đã chủ động liên hệ, bàn bạc với các đối tượng gồm Nguyễn Văn G, Nguyễn Tất K, Nguyễn Văn T1, Đỗ Ngọc D, Hà Đình H và Trịnh Văn P; cung cấp xăng xe và các công cụ để các đối tượng trên đi bắt trộm chó về bán lại cho Trịnh Thị T theo giá đã thỏa T4 trước đó. Các đối tượng tự phân thành từng cặp để đi bắt trộm chó, cụ thể:

Cặp thứ 1. Vào đêm ngày 08/11/2019 đến rạng sáng ngày 09/11/2019, Hà Đình H và Trịnh Văn P trộm cắp được 02 con chó của 02 bị hại ở huyện Thọ Xuân, với tổng giá trị tài sản là 2.100.000đ (Hai triệu một trăm nghìn đồng);

Cặp thứ 2. Đêm ngày 09/11/2019, rạng sáng ngày 10/11/2019 Nguyễn Văn T1 và Đỗ Ngọc D trộm cắp được 05 con chó của 05 bị hại ở các huyện Thọ Xuân,

Thường Xuân, Triệu Sơn và Như Xuân với tổng giá trị tài sản là 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng);

Cặp thứ 3. Đêm ngày 09/11/2019, rạng sáng ngày 10/11/2019 Nguyễn Văn G và Nguyễn Tất K trộm cắp được 07 con chó của 07 bị hại ở các huyện Ngọc Lặc và Cẩm Thủy với tổng giá trị tài sản là 9.700.000đ (Chín triệu bảy trăm nghìn đồng);

Các đối tượng trên sau khi trộm cắp được chó đem về bán cho Trịnh Thị T với giá đã thỏa T4 trước đó. Đến khoảng 03 giờ ngày 10/11/2019, khi các đối tượng Đỗ Ngọc D, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn G, Nguyễn Tất K đang thực hiện hành vi mua bán chó trộm cắp với Trịnh Thị T tại nhà của T ở khu 3, thị trấn TX, huyện T X thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thọ Xuân bắt quả tang, thu giữ vật chứng là 12 con chó và các công cụ, pH3 tiện phạm tội liên quan.

Trong quá trình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản các bị cáo đã có sự bàn bạc, thống nhất, phân công vai trò cụ thể: trong đó Trịnh Thị T là người tổ chức, chuẩn bị công cụ phạm tội, rủ rê người khác cùng thực hiện tội phạm và trực tiếp tiêu thụ tài sản sau khi trộm cắp được. Các bị cáo Nguyễn Văn G, Nguyễn Tất K, Nguyễn Văn T1, Đỗ Ngọc D, Hà Đình H và Trịnh Văn P thực hiện việc đi trộm cắp tài sản với vai trò là người thực hành. Vì vậy hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức.

Các bị cáo Trịnh Thị T, Nguyễn Văn G, Nguyễn Tất K, Nguyễn Văn T1, Đỗ Ngọc D, Hà Đình H và Trịnh Văn P có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi phạm tội do cố ý và thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp “*phạm tội có tổ chức*”. Do đó hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Hà Đình H do trước đó đã có 04 tiền án và tại bản án trước đã bị áp dụng T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm nguy hiểm”, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý, nên bị cáo phải chịu thêm T tiết định khung “*Tái phạm nguy hiểm*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tính chất vụ án là nghiêm trọng. Các bị cáo vì muốn có tiền để sử dụng tiêu xài cá nhân, mà không phải bỏ sức lao động, đã bàn bạc thống nhất với nhau trong việc đi bắt trộm chó; lợi dụng lúc đêm khuya, khi có sự lơ là, mất cảnh giác của các chủ nuôi chó, là bất chấp pháp luật, để bắt trộm chó đem tiêu thụ. Chó là một loại vật nuôi được nhiều người yêu thích, chăm sóc, đồng thời cũng là một loại tài sản của người nuôi. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố T thực hiện. Trong thời gian qua các vụ trộm chó xảy ra ở nhiều địa pH3, gây mất an ninh trật tự và gây bức xúc trong nhân dân. Do vậy, việc đưa vụ án ra xét xử và áp dụng

mức án nghiêm minh đối với các bị cáo là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

[4] Đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức, trong đó bị cáo T là người tổ chức, chuẩn bị công cụ phạm tội, rủ rê người khác cùng thực hiện tội phạm và trực tiếp tiêu thụ tài sản sau khi trộm cắp được, nên phải chịu trách nhiệm với vai trò chính trong vụ án. Các bị cáo Nguyễn Văn G, Nguyễn Tất K, Nguyễn Văn T1, Đỗ Ngọc D, Hà Đình H và Trịnh Văn P đều là người thực hành, được phân thành 03 cặp để cùng nhau thực hiện việc trộm cắp tài sản, vì vậy các bị cáo trong từng cặp phải chịu trách nhiệm tương ứng với giá trị tài trộm cắp được.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân xấu, trong đó bị cáo T đã 01 lần bị kết án về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và 01 lần bị xử lý hành chính về hành vi “trộm cắp tài sản”; bị cáo G 02 lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” và “Công nhiên chiếm đoạt tài sản; bị cáo D 01 lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” và 02 lần bị xử lý hành chính; bị cáo T1 01 lần bị kết án về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; bị cáo H 04 lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; các bị cáo K và P đều đã 01 lần bị kết án về tội “Cố ý gây th3 tích”,

[6] Về T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo K, P và D đều đã bị kết án, chưa được xóa án tích, nay lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "*tái phạm*" được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Bị cáo T đồng phạm tội trộm cắp tài sản với 03 cặp đi trộm chó khác nhau vào các ngày khác nhau, nên phải chịu T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*Phạm tội 02 lần trở lên*" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo T1, H và G không phải chịu T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo T, G, K, T1, D và H khai báo thành khẩn, nên được hưởng T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T đã tự nguyện bồi thường cho các bị hại là chị Bùi Thị H2 900.000 đồng và anh Lê Ngọc Q1 950.000 đồng; các bị cáo G và K đã tác động gia đình các bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại là anh Quách Minh Thành 2.000.000 đồng; ngoài ra các bị hại là chị H2, anh Q1 và anh Thành có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo T, G và K, nên các bị cáo T, G và K còn được hưởng T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo T hiện đã hơn 70 tuổi, nên bị cáo còn được hưởng thêm T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo H sau khi phạm tội bị cáo đã chủ động ra đầu thú, nên bị cáo được hưởng thêm T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự Kn hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo sớm trở về hòa nhập với cộng đồng xã hội.

[8] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy: Các bị cáo Trịnh Thị T, Nguyễn Văn G, Nguyễn Tất K, Nguyễn Văn T1, Đỗ Ngọc D, Hà Đình H và Trịnh Văn P đều là người có nhân thân xấu, và phạm tội lần này thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Do đó, cần thiết phải xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tù nghiêm minh, bắt cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian, mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo, đồng thời đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa tội phạm; xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tù, với mức án như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp. Đối với các bị cáo K và P đều đang phải chấp hành hình phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội “cố ý gây tH3 tích” của bản án trước, nhưng các bị cáo lại phạm tội mới trong thời gian thử thách, nên căn cứ vào Điều 56, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, chuyển thành hình phạt tù và tổng hợp với hình phạt của bản án này, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt C của hai bản án.

Thời gian các bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam được tính vào thời gian chấp hành hình phạt. Tiếp tục tạm giam các bị cáo G, K, T1, D, H và P để đảm bảo thi hành án. Đối với bị cáo T đang tại ngoại, nên thời gian chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo sẽ được tính từ ngày bắt đi thi hành án.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Trong 14 bị hại, thì có 11 bị hại gồm: ông Phạm Văn Đ1, anh Lại Xuân M, chị Phạm Thị H1, anh Phùng Văn M, anh Vũ Văn C, anh Phùng Văn C1, ông Bùi Đình S, chị Lê Thị G1, chị Vũ Thị O1, chị Trịnh Thị H3 và ông Nguyễn Văn L1 đã được nhận lại tài sản mất trộm; còn lại 03 bị hại gồm: chị Bùi Thị H2, anh Lê Ngọc Q1 và anh Quách Minh Thành chưa được nhận lại tài sản mất trộm thì đã được các bị cáo T, G và K bồi thường thiệt hại. Các bị hại đều không có yêu cầu bồi thường gì, nên không xem xét.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Đỗ Văn T4 không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường gì, nên không xem xét.

Đối với số tiền các bị cáo T, G và K đã tự nguyện bồi thường cho 03 bị hại chưa nhận được tài sản mất trộm, các bị cáo không có yêu cầu các bị cáo khác phải trả lại phần các bị cáo đã bồi thường thay, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo T, G và K không buộc các bị cáo khác phải hoàn trả lại phần tiền đã bồi thường thay.

[11] Về thu lợi bất chính: Các bị cáo H và P trộm cắp được 02 con chó bán lại cho bị cáo T thu lợi bất chính số tiền 1.050.000 đồng, chia phần H được 500.000 đồng, P được 550.000 đồng; các bị cáo đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết, nên cần buộc các bị cáo nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo T đã bán 02 con chó (H và P trộm cắp) cho anh Đỗ Văn T4 được số tiền 1.365.000 đồng, bị cáo T trả tiền cho H và P 1.050.000 đồng, như vậy số tiền còn lại bị cáo T hưởng lợi là 315.000 đồng. Anh T4 không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường, do đó xác định đây là số tiền bị cáo T được hưởng lợi bất chính, nên

cần buộc bị cáo T nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước.

[12] Về tang vật thu giữ:

Số tiền 5.600.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu giữ của bị cáo T, không liên quan đến tội phạm, nên trả lại cho bị cáo T.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter màu đen, trắng, gắn biển kiểm soát 36D1-572.61 thu giữ. Quá trình điều tra, xác định thuộc sở hữu của bị cáo Nguyễn Văn T1, bị cáo sử dụng làm pH3 tiện đi bắt trộm chó, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 05 chiếc điện thoại thu giữ, có 03 chiếc điện thoại gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 230 vỏ màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 106, vỏ màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu viettel, vỏ màu đen thu giữ của các bị cáo T, G và T1 là pH3 tiện các bị cáo sử dụng liên lạc liên quan đến tội phạm, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước; còn lại 02 chiếc điện thoại gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus 128G vỏ màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 vỏ màu đen, thu giữ của các bị cáo K và D không liên quan đến tội phạm, nên cần trả lại cho các bị cáo K và D.

Đối với: 04 bộ kích điện; 03 bộ sạc kích điện; 02 bình xịt hơi cay; 04 đèn pin; 04 cuộn băng dính màu đen; 02 lồng sắt; 01 con dao bằng kim loại dài 25cm; 01 cuộn thép trọng L1 0,1kg; 02 chai nhựa màu trắng thể tích 1,5l; 01 đoạn dây kim loại dài 50cm; 24 bì xác rắn màu xanh; 01 két nhựa màu xanh bên trong đựng 18 vỏ chai bia THANH HOA; 02 đoạn gậy quốn bằng dính màu đen; 01 đoạn thép dài 1,1m có dây điện dọc theo thân; 01 thanh dao bằng kim loại đã gỉ sét; 01 đoạn nứa dài 1,07m; 02 can nhựa màu vàng loại 5l có quai xách; 01 cân đồng hồ nhãn hiệu Nhơn Hòa màu xanh, loại cân 150kg (đã qua sử dụng) là công cụ các bị cáo sử dụng để thực hiện tội phạm, hiện không còn giá trị, nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với 14 con chó thu giữ, trong đó: 11 con chó còn sống, Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu; còn lại 03 con chó đã chết, Cơ quan điều tra đã T1 hành tiêu hủy là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter màu xanh, gắn biển kiểm soát 36B5-578.69, các bị cáo G và K sử dụng đi trộm cắp, hiện đang được quản lý tại kho vật chứng Công an huyện Thọ Xuân. Quá trình điều tra: bị cáo G khai xe mượn của anh Trịnh Đình T5; anh T5 xác định là xe của anh T5 cho G mượn sử dụng và không biết việc G đi trộm cắp chó; chiếc xe máy trên là T5 mua lại của anh Nghĩa ở xã Yên Hùng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa không làm giấy tờ xe. Tuy nhiên, chưa có cơ sở xác định chủ sở hữu hợp pháp của xe, nên Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh, làm rõ về chủ sở hữu hợp pháp, có căn cứ sẽ xử lý theo quy định.

[13] Về các T tiết liên quan:

Anh Đỗ Văn T4 có thu mua chó từ Trịnh Thị T nhưng không biết đó là chó do trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra: Hà Đình H khai có sử dụng 01 chiếc điện thoại di động liên lạc với T liên quan đến việc thực hiện tội phạm, nhưng đã làm rơi mất, không rõ ở đâu. Cơ quan điều tra đã T1 hành truy tìm vật chứng theo quy định, nhưng không thu hồi được, nên không có căn cứ xử lý.

Đối với chiếc xe máy Trịnh Văn P sử dụng đi trộm cắp tài sản, P khai mượn của ông Trịnh Văn D1 là bố đẻ. Khi cho mượn xe ông D1 không biết việc P sử dụng đi trộm cắp tài sản và hiện xe máy trên ông D1 đã bán cho một người khác, cơ quan điều tra không thu giữ được, nên không có căn cứ xử lý.

Quá trình điều tra các đối tượng G, K, D, T1 và H còn khai nhận trước đó còn có hành vi bắt trộm chó bán cho T, nhưng không thu giữ được chó và chưa xác định được bị hại, nên Cơ quan điều tra chưa có căn cứ xử lý. Đề nghị tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

[14] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[15] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 173; Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm b, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo T;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 173; Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo G;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 173; Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56; Điều 58; khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo K;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 173; Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo D;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 173; Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo T1;

Căn cứ vào điểm a, g khoản 2 Điều 173; Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo H;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 173; Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56; Điều 58; khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo P;

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: các bị cáo Trịnh Thị T, Nguyễn Văn G, Nguyễn Tất K, Nguyễn Văn T1, Đỗ Ngọc D, Hà Đình H và Trịnh Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Thị T 30 (ba mươi) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 10/11/2019 đến ngày 22/01/2020).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G 28 (hai mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/11/2019.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tất K 29 (hai mươi chín) tháng tù; tổng hợp với 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “cố ý gây th3 tích” tại bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HS-ST ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa. Bị cáo Nguyễn Tất K phải chấp hành hình phạt C của hai bản án là 53 (năm mươi ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/11/2019.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 28 (hai mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/11/2019.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc D 29 (hai mươi chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/11/2019.

- Xử phạt bị cáo Hà Đình H 27 (hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/11/2019.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Văn P 28 (hai mươi tám) tháng tù; tổng hợp với 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “cố ý gây th3 tích” tại bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HS-ST ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa và bản án hình sự phúc thẩm số 03/2019/HS-PT ngày 10/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo Trịnh Văn P phải chấp hành hình phạt C của hai bản án là 52 (năm mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/12/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì, nên không xem xét.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Trịnh Thị T không buộc các bị cáo Đỗ Ngọc D, Nguyễn Văn T1; các bị cáo Nguyễn Văn G và Nguyễn Tất K không buộc bị cáo Trịnh Thị T phải hoàn trả lại phần tiền đã bồi thường thay.

3. Về thu lợi bất chính:

Truy thu của bị cáo Trịnh Thị T số tiền 315.000 đồng (ba trăm mười lăm nghìn đồng), bị cáo Hà Đình H số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) và bị cáo Trịnh Văn P số tiền 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại bị cáo Trịnh Thị T số tiền 5.600.000 đồng (năm triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Tất K 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus 128G vỏ màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra được số imei, trên vỏ sau của máy có ghi D1 chữ model A1784FCCID BCG-E3092A IC 579C E3092A; bị cáo Đỗ Ngọc D 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 vỏ màu đen, đã qua sử dụng, số imei: 352857050565289, gắn 01 thẻ sim.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 03 chiếc điện thoại gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 230 vỏ màu đen, đã qua sử dụng, số imei 1: 356935097772609, số imei 2: 356935099363357, gắn 01 thẻ sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 106, vỏ màu đen đã qua sử dụng, có số IMEI 1: 354194104065886, số IMEI 2: 354194105065885, bên trong gắn 01 thẻ sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu viettel, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, số imei 1: 3567810953497739, số imei 2: 356781095349747 gắn 01 thẻ sim.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter màu đen trắng, xe đã qua sử dụng, gắn biển kiểm soát 36D1-572.61, sản xuất năm 2018, số máy: E3S1E100577, số khung: RLCUE1340JY062926.

- Tịch thu, tiêu hủy: 04 bộ kích điện; 03 bộ sạc kích điện; 02 bình xịt hơi cay; 04 đèn pin; 04 cuộn băng dính màu đen; 02 lồng sắt; 01 con dao bằng kim loại dài 25cm; 01 cuộn thép trọng L1 0,1kg; 02 chai nhựa màu trắng thể tích 1,5l; 01 đoạn dây kim loại dài 50cm; 24 bì xác rắn màu xanh; 01 két nhựa màu xanh bên trong đựng 18 vỏ chai bia THANH HOA; 02 đoạn gậy quốn bằng dính màu đen; 01 đoạn thép dài 1,1m có dây điện dọc theo thân; 01 thanh dao bằng kim loại đã gỉ sét; 01 đoạn nứa dài 1,07m; 02 can nhựa màu vàng loại 5l có quai xách; 01 cân đồng hồ nhãn hiệu Nhon Hòa màu xanh, loại cân 150kg (đã qua sử dụng).

Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, theo Biên lai thu tiền số AA/2011/00395 ngày 26/3/2020 và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/3/2020.

5. Về án phí:

Các bị cáo Trịnh Thị T, Nguyễn Văn G, Nguyễn Tất K, Nguyễn Văn T1, Đỗ Ngọc D, Hà Đình H và Trịnh Văn P mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2

Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T4 thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh T1